SỞ TƯ PHÁP TỈNH
BÀ RỊA VŨNG TÀU

Digitally signed by SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU
DN: c=VN, st=Bà Rịa-Vũng Tàu, l=Tp.Bà Rịa, cn=SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500287275
Date: 2016.04.07 15:14:49 +07'00'

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 873 /2006/QĐ-UBND	*Vũng Tàu, ngày 21 tháng 3 năm 2006*

SỞ TƯ PHÁP T.BÀ RỊA VŨNG TÀU
CÔNG VĂN ĐẾN
Số 591
Ngày 22-3-2006

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế quản lý hoạt động các cụm Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;
- Căn cứ Luật Đất đai và Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu tại Tờ trình số 75/TTr.SCN ngày 06 tháng 03 năm 2006.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Tổ chức quản lý hoạt động các cụm Công nghiệp- Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND Tỉnh (để b/c);
- Các ban của Tỉnh ủy và HĐND Tỉnh;
- UBMTTQ Tỉnh;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Trần Minh Tuấn

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP-TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 873 /2006/QĐ-UB ngày 21 tháng 3 năm 2006 của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi áp dụng :

- Quy chế này áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong các cụm CN-TTCN do UBND tỉnh quyết định thành lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Hoạt động đầu tư và kinh doanh hạ tầng cụm CN-TTCN.
- Các hoạt động liên quan đến việc đầu tư và quản lý hoạt động các cụm CN-TTCN.

2. Đối tượng điều chỉnh :

- Các tổ chức, cá nhân, thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư sản xuất CN-TTCN, đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN-TTCN, kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp.
- Các cơ quan chức năng liên quan của tỉnh Bà Rịa-Vũng tàu, UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Điều 2 : Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. Cụm Công nghiệp-TTCN : là tên gọi chung cho các cụm CN-TTCN và làng nghề, do UBND tỉnh quyết định thành lập (hoặc phân cấp quyết định thành lập) theo quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn để thu hút các dự án đầu tư mới chủ yếu quy mô vừa và nhỏ và bố trí các cơ sở sản xuất công nghiệp trong diện di dời khỏi nội thành, nội thị hoặc các khu dân cư tập trung.
2. Doanh nghiệp trong cụm CN-TTCN là tên gọi các tổ chức, cá nhân, hộ sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 2 điều 1 của quy chế này thuê lại đất hoặc nhà xưởng để đầu tư sản xuất công nghiệp hoặc thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp trong cụm CN-TTCN.
3. Doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm CN là tên gọi các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 điều 1 của quy chế này, được UBND tỉnh cho phép hoặc

giao nhiệm vụ thực hiện việc đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp trong cụm CN-TTCN.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát triển hạ tầng cụm CN-TTCN là doanh nghiệp cấp nước, doanh nghiệp điện và doanh nghiệp bưu chính viễn thông của tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu bỏ vốn đầu tư và thu hồi vốn thông qua hợp đồng dịch vụ mua bán điện, nước, thông tin liên lạc cho các doanh nghiệp trong cụm CN-TTCN.

Điều 3 : Thành lập cụm CN-TTCN

Các cụm CN-TTCN được xây dựng và phát triển phải phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội đã được phê duyệt. Quy mô mỗi cụm CN-TTCN có diện tích không quá 100 ha.

1. Đối với cụm CN-TTCN đã được phê duyệt quy hoạch, Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, các Sở liên quan nghiên cứu, xây dựng đề án thành lập cụm CN-TTCN trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với cụm CN-TTCN chưa có trong quy hoạch, nếu thấy việc thành lập là cần thiết và đủ điều kiện, Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, các cơ quan liên quan lập báo cáo trình UBND tỉnh xem xét để quyết định chủ trương và điều chỉnh quy hoạch tổng thể cho phù hợp. Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận, việc thành lập cụm CN-TTCN được tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều 3 của quy chế này.

Điều 4 : Ngành nghề khuyến khích đầu tư vào cụm CN-TTCN

Các ngành nghề khuyến khích đầu tư theo hướng sau :

- Công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ;
- Sản xuất các sản phẩm thủy tinh, sành sứ;
- Sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, hóa chất không độc hại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất giày da, dệt may, đồ gỗ, mây tre, nứa, cói; hàng thủ công mỹ nghệ; hàng lưu niệm; hàng xuất khẩu; sản phẩm từ da, giả da;
- Sản xuất nước đá, nước sạch;
- Chế biến hàng nông, lâm, thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Sản xuất hàng cơ khí chế tạo – lắp ráp – sửa chữa phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp;
- Khôi phục, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống hiện có, ngành nghề truyền thống, làng nghề được phục hồi và làng nghề mới được hình thành của nơi thành lập cụm CN-TTCN;
- Sản xuất hàng mộc gia dụng và những hàng hóa phục vụ nhu cầu thị trường;
- Các ngành nghề khác, phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh.

Ngoài ra, ngành nghề khuyến khích đầu tư vào cụm CN-TTCN cần phù hợp với quy hoạch cho từng cụm cũng như trong quy hoạch chi tiết của từng khu vực và định hướng phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2006 – 2010 có xét đến 2020 được phê duyệt.

Điều 5 : Nguyên tắc đầu tư kết cấu hạ tầng cho các cụm CN-TTCN

Nguyên tắc đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp tập trung khuyến khích và vận động các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng các nguồn vốn doanh nghiệp, vốn huy động và vốn khác không thuộc vốn nhà nước.

1. Đầu tư bằng vốn ngân sách 100% áp dụng cho các trường hợp như sau :
   - Các cụm thực hiện chính sách di dời.
   - Kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm CN-TTCN.
2. Đối với những cụm CN đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, tỉnh hỗ trợ tái định cư thực hiện theo quyết định 760/2005/QĐ.UB ngày 10/3/2005 của UBND tỉnh BR-VT; chi phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải và có thu phí môi trường; chi phí rà phá bom mìn.

Chương II
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG CỤM CN-TTCN

Điều 6 : Quyền của doanh nghiệp SXKD trong cụm CN-TTCN

1. Được giao đất hoặc thuê lại đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng đã đầu tư; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai để xây dựng nhà xưởng, các công trình kiến trúc nhằm mục đích sản xuất kinh doanh phù hợp với giấy phép đầu tư hoặc đăng ký kinh doanh;
2. Thời gian thuê đất không quá 50 năm. Khi hết thời hạn thuê đất, nếu nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục thuê đất thì đăng ký gia hạn theo qui định của Luật đất đai.
3. Được sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng cụm CN-TTCN và các dịch vụ, tiện ích trong và ngoài cụm CN-TTCN;
4. Được mua lại, thuê lại nhà xưởng của doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm CN-TTCN hoặc của doanh nghiệp sản xuất- dịch vụ khác trong cụm;
5. Được quyền chuyển nhượng tài sản trên đất cho tổ chức, cá nhân khác khi doanh nghiệp ngừng hoạt động.
6. Được hưởng các ưu đãi về đầu tư theo pháp luật hiện hành của Nhà nước và của tỉnh .

Điều 7 : Nghĩa vụ của doanh nghiệp SXKD trong cụm CN-TTCN

1. Thực hiện các nội dung của quy chế, điều lệ cụm CN-TTCN, các nghĩa vụ về thuế, chế độ kế toán – thống kê, bảo hiểm và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
2. Các doanh nghiệp trong cụm CN-TTCN chỉ được thực hiện sản xuất các ngành nghề phù hợp với quy hoạch của cụm;
3. Sử dụng đất được giao, thuê đúng mục đích;

4. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bàn giao mặt bằng, doanh nghiệp không tiến hành thực hiện dự án sẽ bị thu hồi đất theo Luật Đất đai và không được bồi thường các chi phí đã đầu tư;
5. Thanh toán tiền thuê đất, dịch vụ hạ tầng, dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác theo hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý cụm CN-TTCN cấp huyện hoặc doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng cụm CN-TTCN;
6. Báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của doanh nghiệp cho cơ quan quản lý cụm CN -TTCN;
7. Doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động phải ưu tiên sử dụng lao động địa phương, nhất là đối tượng chính sách và những hộ gia đình bị thu hồi đất để thành lập cụm CN-TTCN;
8. Phối hợp UBND huyện để giải quyết nhu cầu nhà ở cho công nhân thuộc đơn vị theo quy hoạch được duyệt.
9. Đảm bảo vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ…
10. Khi ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan quản lý cụm CN-TTCN hoặc doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng cụm.

Chương III

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CỤM CN-TTCN

Điều 8 : Quyền hạn của doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm CN-TTCN

1. Được UBND tỉnh giao đất hoặc cho thuê đất để đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN-TTCN theo quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện các dịch vụ trong cụm CN-TTCN phù hợp với quyết định chấp thuận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư, giấy đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều lệ doanh nghiệp;
3. Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát triển hạ tầng khác đầu tư hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc để hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong cụm CN-TTCN;
4. Huy động vốn theo quy định của pháp luật; được vận động, thu hút đầu tư vào cụm CN-TTCN;
5. Cho các doanh nghiệp trong cụm CN-TTCN thuê lại đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng đã đầu tư; bán hoặc cho thuê lại nhà xưởng do doanh nghiệp xây dựng trong cụm CN-TTCN theo quy định của pháp luật;
6. Đưa ra mức giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng, giá cho thuê nhà xưởng và các loại phí dịch vụ khác trên cơ sở khung giá theo quy định của UBND tỉnh;
7. Tiếp nhận các dự án đầu tư của doanh nghiệp từ cơ quan quản lý cụm CN-TTCN cấp huyện hoặc của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp vào cụm theo ngành nghề quy hoạch cụm CN-TTCN đã được duyệt;
8. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 9 : Nghĩa vụ của doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng cụm CN-TTCN

1. Lập dự án đầu tư và xây dựng đồng bộ các công trình kết cấu hạ tầng cụm CN-TTCN theo quy hoạch chi tiết được duyệt và theo quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của nhà nước;
2. Có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng của cụm CN-TTCN;
3. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với nhà nước theo quy định. Tuân thủ mọi quy định của Quy chế này và các quy định liên quan khác của pháp luật hiện hành.
4. Phải được sự chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường về vấn đề xử lý nước thải, chất thải công nghiệp và khí độc hại theo tiêu chuẩn quy định.
5. Thực hiện các báo cáo hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất cho Ban quản lý cụm CN-TTCN cấp huyện.

Điều 10 : Quyền hạn và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát triển hạ tầng cụm CN-TTCN

Đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát triển hạ tầng cụm CN-TTCN thực hiện theo điều 8, điều 9 và các quy định sau :

1. Có trách nhiệm đầu tư hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc trong và ngoài hàng rào cụm CN-TTCN nhưng phải đảm bảo sự đồng bộ và thống nhất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác của cụm CN-TTCN theo quy hoạch được duyệt;
2. Cung cấp các dịch vụ điện, nước, thông tin liên lạc cho các doanh nghiệp trong cụm CN-TTCN thông qua hợp đồng kinh doanh dịch vụ với mức giá do nhà nước quy định;
3. Thực hiện việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong suốt quá trình hoạt động của cụm CN-TTCN. Đảm bảo các công trình này hoạt động thường xuyên, liên tục không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong cụm.

Chương IV

CƠ QUAN QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

Điều 11 : Cơ quan quản lý cụm CN-TTCN

UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý cụm CN-TTCN và giao nhiệm vụ cho phòng kinh tế của huyện thực hiện công tác quản lý các cụm CN-TTCN trên địa bàn. Biên chế nhân sự do UBND cấp huyện bổ sung và quản lý.

Phòng kinh tế là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, quản lý các cụm CN-TTCN, chịu sự quản lý trực tiếp và toàn diện của UBND cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Công nghiệp và các sở, ngành có liên quan.

Điều 12 : Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý cụm :

*** Đối với tất cả các cụm CN không kể nguồn vốn đầu tư :**

1. Thực hiện quản lý toàn bộ các cụm CN-TTCN trên địa bàn; tiếp nhận các hồ sơ, tài liệu từ các đơn vị xây dựng cơ sở hạ tầng khi hoàn chỉnh hạ tầng để đưa cụm CN-TTCN vào hoạt động;
2. Công khai quy hoạch mặt bằng cụm CN-TTCN; công bố các tiêu chí, điều kiện, thủ tục lựa chọn các doanh nghiệp được thuê đất (hoặc thuê nhà xưởng) để các doanh nghiệp biết và đăng ký nhu cầu;
3. Vận động thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào cụm CN-TTCN theo quy định của pháp luật;
4. Tiếp nhận, tổng hợp và phân loại hồ sơ các doanh nghiệp đăng ký, dự kiến bố trí sắp xếp các doanh nghiệp đầu tư vào cụm CN-TTCN trình UBND huyện xem xét;
5. Hướng dẫn các doanh nghiệp lập dự án đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư, làm đầu mối cho các doanh nghiệp làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để giải quyết các thủ tục hành chính khi thực hiện đầu tư vào cụm CN-TTCN;Thực hiện chức năng kiểm tra giám sát các hoạt động đầu tư trong cụm CN-TTCN.
6. Quản lý toàn diện trong ranh giới cụm CN-TTCN về các lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường. Kiểm tra các doanh nghiệp thực hiện đúng tiến độ xây dựng theo hồ sơ dự án và qui định của UBND tỉnh;
7. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm CN-TTCN theo quy định. Nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, báo cáo với UBND cấp huyện và sở chuyên ngành có thẩm quyền;
8. Tiếp nhận ý kiến của các doanh nghiệp, người lao động trong cụm CN-TTCN để xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền, cơ quan quản lý cụm CN-TTCN có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kịp thời với UBND cấp huyện và sở chuyên ngành để giải quyết, đồng thời thông báo cho doanh nghiệp và người lao động rõ;
9. Xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của cụm CN-TTCN thông qua UBND cấp huyện, Sở Công nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt.

*** Đối với các cụm đầu tư bằng vốn ngân sách :**

1. Lập hồ sơ xin thoả thuận địa điểm để Sở Xây dựng trình UBND tỉnh chấp thuận trước khi tiến hành lập qui hoạch chi tiết 1/2000 và 1/500; trình UBND cấp huyện phê duyệt nếu dự án nằm trong phạm vi đô thị hoặc UBND tỉnh xem xét phê duyệt nếu dự án nằm ngoài đô thị;
2. Thực hiện chức năng quản lý và trách nhiệm chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng cụm CN-TTCN. Quản lý khai thác mặt bằng, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ trong và ngoài cụm CN-TTCN, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm các công trình này hoạt động thường xuyên, liên tục, không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

trong cụm CN-TTCN. Thực hiện cung cấp dịch vụ hạ tầng cụm CN-TTCN theo giá do UBND tỉnh quy định;

3. Thu tiền thuê đất, thu phí sử dụng hạ tầng theo định mức do UBND tỉnh quy định để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường, duy tu, bảo dưỡng sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật chung trong cụm CN-TTCN. Quản lý và sử dụng các nguồn thu đúng quy định, đúng mục đích.
4. Xây dựng mức giá công trình phụ trợ; xây dựng mức phí trình các cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỤM CN-TTCN

Điều 13 : Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Công nghiệp lập quy hoạch các cụm CN-TTCN trên địa bàn huyện;
2. Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 và 1/500 cho từng cụm CN-TTCN trong phạm vi đô thị thuộc địa phương;
3. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân, bố trí quỹ đất tái định cư đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu;
4. Quản lý quỹ đất đã được quy hoạch xây dựng các cụm CN-TTCN trên địa bàn;
5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với cụm CN-TTCN trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh quản lý về các mặt : an ninh trật tự, an toàn xã hội, môi trường, phòng cháy chữa cháy, trật tự xây dựng trong và ngoài cụm CN-TTCN thuộc địa bàn quản lý;
6. Báo cáo tình hình hoạt động của các cụm CN-TTCN trên địa bàn cho UBND tỉnh và các sở ngành liên quan.

Điều 14 : Sở Công nghiệp

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cụm CN-TTCN trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo quy chế này;
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh xây dựng qui hoạch, kế hoạch phát triển, đề án thành lập cụm CN-TTCN trình UBND tỉnh phê duyệt;
3. Trình UBND tỉnh ban hành văn bản qui phạm pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý và khuyến khích phát triển cụm CN-TTCN;
4. Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng danh mục ngành nghề đầu tư, sản xuất vào cụm CN-TTCN theo quy hoạch;
5. Vận động đầu tư vào cụm CN-TTCN trên địa bàn;
6. Hướng dẫn, thẩm định điều lệ tổ chức và hoạt động cụm CN-TTCN trên địa bàn huyện để trình UBND tỉnh phê duyệt.
7. Phối hợp với các cơ quan liên quan hoặc trình UBND tỉnh giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của các cụm CN-TTCN, thống nhất và cụ thể hóa các quy định của pháp luật để hướng dẫn cơ quan quản lý cụm và các doanh nghiệp trong cụm CN-TTCN thực hiện các nội dung được giao trong quy chế này;

8. Phối hợp cơ quan chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các cụm CN-TTCN;
9. Phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình hoạt động của các cụm CN-TTCN báo cáo UBND tỉnh;
10. Thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thi công các dự án sản xuất công nghiệp theo qui định của Luật xây dựng;
11. Thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15 : Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham gia xây dựng quy hoạch tổng thể các cụm CN-TTCN của tỉnh;
2. Phối hợp với các sở ngành liên quan nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển cụm CN-TTCN.
3. Tham mưu đề xuất về nguồn vốn đầu tư xây dựng cụm CN-TTCN theo từng giai đoạn.

Điều 16 : Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Công nghiệp, các địa phương và các ngành hữu quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh xây dựng quy hoạch tổng thể các cụm CN-TTCN trên địa bàn tỉnh;
2. Trình UBND tỉnh thỏa thuận địa điểm để chủ đầu tư tiến hành nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết khi đã có chủ trương đầu tư của UBND tỉnh;
3. Thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các cụm CN-TTCN nằm ngoài phạm vi các đô thị theo đúng quy định của Luật Xây dựng;
4. Thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thi công, cấp phép xây dựng công trình các cụm CN-TTCN theo qui định của Luật xây dựng;
5. Phối hợp với Sở Công nghiệp, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan kiểm tra, theo dõi quá trình triển khai thực hiện việc đầu tư xây dựng các cụm CN-TTCN.

Điều 17 : Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham gia xây dựng Quy hoạch phát triển các cụm CN-TTCN;
2. Chủ trì hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ về đất đai; thẩm định trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật đất đai;
3. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường, đánh giá tác động môi trường tại các cụm CN-TTCN.

Điều 18 : Sở Tài chính

1. Xác định giá cho thuê đất, kết cấu hạ tầng, phí dịch vụ tại các cụm CN-TTCN:

+ Đối với các cụm đầu tư bằng vốn ngân sách do Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định.

+ Đối với các cụm do doanh nghiệp đầu tư thì doanh nghiệp tự quyết định.

2. Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ về bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng theo quy định;

3. Hướng dẫn các vấn đề có liên quan đến tài chính của các cơ quan quản lý cụm CN-TTCN và các doanh nghiệp đầu tư vào cụm CN-TTCN theo quy định.

Điều 19 : Sở Giao thông Vận tải

1. Tham gia vào việc xây dựng quy hoạch phát triển các cụm CN-TTCN;
2. Có kế hoạch phát triển hệ thống giao thông đồng bộ ngoài hàng rào cụm CN-TTCN đáp ứng nhu cầu phát triển của các cụm CN-TTCN;
3. Thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ hệ thống giao thông trong và ngoài hàng rào cụm CN-TTCN.

Điều 20 : Các sở, ban, ngành liên quan khác

1. Thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với các cụm CN-TTCN theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
2. Tham gia xây dựng quy hoạch phát triển các cụm CN-TTCN;
3. Hướng dẫn các vấn đề liên quan đến chuyên ngành, lĩnh vực của mình khi có yêu cầu.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21 : Tổ chức thực hiện

1. Sở Công nghiệp là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định này; Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND cấp huyện để triển khai thực hiện quy chế này.

2. Trung tâm Xúc tiến đầu tư thực hiện công tác xúc tiến đầu tư và giới thiệu dự án thu hút đầu tư vào các cụm CN-TTCN trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu. Các cơ quan quản lý cụm CN-TTCN cấp huyện và các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng cụm CN-TTCN cung cấp các tài liệu, dự án cần thu hút đầu tư cho Trung tâm để phối hợp vận động thu hút đầu tư vào cụm CN-TTCN.

Điều 22 : Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung, Sở Công nghiệp có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

TM. UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Trần Minh Sinh